

Bản án số: 454/2018/DS-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên Hương
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 165/2017/TLST-DS ngày 16/5/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-DS ngày 28/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-DS ngày 23/4/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 143/2018/QĐST-DS ngày 18/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2018/QĐST-DS ngày 13/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H- sinh năm 1971

Địa chỉ: chung cư K, đường L, Phường Y, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Kim D - sinh năm 1950

Địa chỉ: đường C, Phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các buổi làm việc, Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày: Ngày 12/8/2011 ông cho bà Trần Kim D vay số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, thời hạn 3 tháng, lãi suất 1.65%/tháng. Bà D đã trả lãi được 3 tháng, khi đến hạn phải trả nợ gốc nhưng do bà D khó khăn ông cho bà tiếp tục trả lãi. Ngày 31/01/2012 bà D tiếp tục vay của ông số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng thời hạn và lãi suất như trên. Sau đó, bà D có trả thêm 1 tháng tiền lãi

tiếp theo sau đó không trả nữa. Ông H đã nhiều lần yêu cầu bà D thanh toán nhưng bà D không chịu trả. Bà D đã đưa cho ông giấy tờ liên quan đến mảnh đất ở quận P yêu cầu ông bán, nếu bán được sẽ thanh toán nợ cho ông nhưng đất không bán được do chưa có giấy tờ đầy đủ và là đất nông nghiệp. Mặc dù, bà D có nhiều khoản thu hằng tháng nhưng bà vẫn không chịu thanh toán số tiền nợ, ông đã liên hệ nhiều lần nhưng bà D tránh mặt. Ngày 06/3/2017 ông có gửi thông báo đòi nợ qua đường bưu điện cho bà Trần Kim D, sau đó ông có khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhưng do bà D hứa là sẽ trả nợ nên ông đã rút đơn kiện nhưng thực tế bà D không trả nợ. Nay ông yêu cầu bà Trần Kim D trả số tiền tạm tính từ tháng 3/2012 đến tháng 4/2017 là tiền gốc: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 1.320.000 (Một triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng, tiền lãi quá hạn 51.975.000 (Năm mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 176.755.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn) đồng.

Bị đơn bà Trần Kim D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày: ông vẫn giữ yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, thay đổi yêu cầu về tiền lãi chậm trả, yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể:

-Số tiền 30.000.000 đồng tính lãi từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2018:

$30.000.000 \text{ đồng} \times (10\% / \text{năm} : 12 \text{ tháng}) \times 80 \text{ tháng} \times 150\% = 30.000.000 \text{ đ}$

-Số tiền 40.000.000 đồng tính lãi từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2018:

$40.000.000 \text{ đồng} \times (10\% / \text{năm} : 12 \text{ tháng}) \times 16 \text{ tháng} \times 150\% = 8.000.000 \text{ đ.}$

Tổng số tiền Bị đơn phải trả là 108.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Kim D vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

-Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Bị đơn bà Trần Kim D thanh toán cho ông Nguyễn Đức H số tiền 108.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông Nguyễn Đức H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Kim D tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn bà Trần Kim D nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn bà Trần Kim D đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Xét tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tiền lãi, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là 38.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này của Nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ giấy vay tiền ngày 12/8/2011 do bà Trần Kim D viết, thể hiện bà Diệp vay của ông Nguyễn Đức H số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng và Giấy mượn tiền ngày 03/01/2012 do bà Trần Kim D viết, thể hiện bà D mượn của Ông Nguyễn Đức H số tiền 40.000.000 đồng. Như vậy giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán 38.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo Nguyên đơn trình bày giữa Nguyên đơn và Bị đơn có thỏa thuận lãi suất 1.65%/tháng, Bị đơn đã trả lãi được 4 tháng đối với khoản tiền gốc 30.000.000 đồng và trả lãi 1 tháng của khoản tiền gốc 40.000.000 đồng. Tuy nhiên

phần lãi suất là chữ viết của Nguyên đơn và không có tài liệu thể hiện số tiền lãi Bị đơn đã trả hàng tháng nên xem đây là trường hợp có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, Nguyên đơn yêu cầu yêu cầu bà Diệp thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 30.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 80 tháng x 150% = 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 40.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 16 tháng x 150% = 8.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng Bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định Bị đơn còn thiếu Nguyên đơn số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 38.000.000 đồng. Tổng cộng là 108.000.000 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn đề nghị thanh toán ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái luật nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 108.000.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn bà Trần Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.400.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại tiền rạm ứng án phí đã nộp là 4.418.875 (Bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng đã nộp theo biên lai số 0006174 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H:

Buộc Bị đơn bà Trần Kim D có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đức H số tiền 108.000.000 (Một trăm lẻ tám triệu) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim D phải chịu 5.400.000 (Năm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Đức H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.418.875 (Bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng đã nộp theo biên lai số 0006174 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm